

CÔNG THƯƠNG

TẠP CHÍ - CƠ QUAN THÔNG TIN LÝ LUẬN CỦA BỘ CÔNG THƯƠNG ISSN: 0866-7756

VIET NAM TRADE AND INDUSTRY REVIEW

CÁC KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ

SỐ 15 - THÁNG 6/2024



Website: <http://tapchicongthuong.vn>



HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS.TS. Trần Thọ Đạt

GS.TS. Trần Văn Địch

GS.TS. Nguyễn Bách Khoa

GS.TSKH. Đỗ Ngọc Khuê

GS.TSKH. Bành Tiến Long

GS.TSKH. Nguyễn Xuân Quỳnh

GS.TS. Đinh Văn Sơn

GS.TSKH. Trần Văn Sung

GS.TS. Lê Văn Tán

GS. TS. Phạm Minh Tuấn

GS.TSKH. Đào Trí Úc

GS.TSKH. Đặng Ứng Vận

GS.TS. Võ Khánh Vinh

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Đặng Thị Ngọc Thu

ĐT: 0968939668

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

Ngô Thị Diệu Thúy

ĐT: 0903223096

Phạm Thị Lệ Nhung

ĐT: 0912093191

TÒA SOẠN

Tầng 8, số 655 Phạm Văn Đồng,

Bắc Từ Liêm, Hà Nội

ĐT: 0243.2088856 - 0936.131861

Email: tapchicongthuong.moit@gmail.com

VĂN PHÒNG

ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Số 12 Nguyễn Thị Minh Khai,

P. Đa Kao, Q. 1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 38213488

Fax: (028) 38213478

Giấy phép hoạt động báo chí số:

196/GP-BTTTT

Cấp ngày 05/06/2023

Trình bày: Tại Tòa soạn

In tại Công ty CP Đầu tư và

Hợp tác quốc tế

Giá 250.000 đồng

Website: www.tapchicongthuong.vn

CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN Ý ĐỊNH KHỞI NGHIỆP CỦA SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KINH TẾ TRONG CÁC TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

• LÊ ĐÌNH CHIỀU

TÓM TẮT:

Nghiên cứu này nhằm kiểm định các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội. Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu, phân tích một số lý thuyết như lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB), lý thuyết thể chế; cùng với những phân tích đặc trưng của sinh viên khối ngành kinh tế trong trường đại học kỹ thuật để xây dựng mô hình nghiên cứu; thực hiện việc khảo sát sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội, phục vụ cho việc kiểm định, xác định các nhân tố ảnh hưởng và mức độ ảnh hưởng của chúng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội. Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đề xuất một số khuyến nghị quản lý đối với các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

Từ khóa: khởi nghiệp, sinh viên, khối ngành kinh tế, trường đại học kỹ thuật, TP. Hà Nội.

1. Đặt vấn đề

Khởi nghiệp có thể được hiểu là bắt đầu một nghề nghiệp, sự nghiệp mà phổ biến nhất là thành lập một doanh nghiệp/một cơ sở kinh doanh trong một lĩnh vực nào đó. Hoạt động khởi nghiệp có ý nghĩa rất quan trọng đối với mỗi quốc gia, bởi đó là động lực để phát triển kinh tế, giải quyết việc làm cho người lao động và tăng nguồn thu cho ngân

sách nhà nước. Vì thế tinh thần khởi nghiệp được chú trọng ở nhiều quốc gia và được coi là một cách thức để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và tạo việc làm cho xã hội (Lee et al., 2006). Hoạt động khởi nghiệp là chìa khóa quan trọng để tăng trưởng kinh tế, chính vì vậy, việc thúc đẩy giới trẻ khởi nghiệp là một trong những ưu tiên hàng đầu của các nhà hoạch định chính sách (Sobel & King, 2008).

Ý định khởi nghiệp là ý định của một cá nhân để bắt đầu một doanh nghiệp (Souitaris et al., 2007); hay nó là một quá trình định hướng việc lập kế hoạch và triển khai kế hoạch tạo lập doanh nghiệp (Gupta & Bhawe, 2007). Như vậy, có thể hiểu ý định khởi nghiệp là ý tưởng trở thành một doanh nhân của một người, được lên kế hoạch cụ thể và mong muốn đạt được ý tưởng đó. Ý định khởi nghiệp là cơ sở quan trọng để hình thành hành vi khởi nghiệp. Ý định khởi nghiệp của sinh viên xuất phát từ ý tưởng của sinh viên và được định hướng đúng đắn bởi chương trình và người đào tạo (Schwarz et al., 2009). Để thúc đẩy việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên vai trò của nhà trường rất quan trọng.

Ở Việt Nam, hoạt động khởi nghiệp được coi như một mục tiêu quốc gia nhằm tạo dựng hình ảnh quốc gia khởi nghiệp trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng (Chính phủ, 2016), trong đó sinh viên là một trong các lực lượng tiên phong thực hiện mục tiêu quốc gia khởi nghiệp này, bởi đây là lực lượng vừa có sức trẻ, vừa là lực lượng tri thức được đào tạo bài bản nhất. Chính vì thế, cần phải thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp trong các trường đại học, cao đẳng. Sinh viên trong các trường đại học, cao đẳng lại có thể phân thành các nhóm, có những đặc trưng khác nhau và các nhân tố ảnh hưởng, cũng như mức độ ảnh hưởng của các nhân tố đó đến từng nhóm sinh viên cũng có thể khác nhau. Bài viết sẽ đi sâu phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội.

2. Cơ sở lý thuyết và mô hình nghiên cứu

Nhiều nghiên cứu được thực hiện trước đây liên quan đến ý định khởi nghiệp. Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB) đã chỉ ra nhận thức kiểm soát hành vi (perceived behavioral control), tức là nhận thức của một cá nhân về sự dễ dàng hoặc khó khăn trong việc thực hiện một hành vi cụ thể sẽ ảnh hưởng đến ý định hành vi đó (Ajzen, 1991). Ý định

khởi nghiệp là một loại ý định của con người, do đó cũng có thể bị tác động bởi nhân tố nhận thức kiểm soát hành vi. Lý thuyết TPB cũng chỉ ra rằng nhân tố thái độ đối với hành vi (attitude toward the behavior), hay đánh giá của một cá nhân về kết quả thu được từ một hành vi cụ thể ảnh hưởng đến ý định hành vi (Ajzen, 1991).

Nhiều nghiên cứu đã chỉ ra mối liên hệ giữa đặc điểm tính cách và ý định khởi nghiệp. Shane và cộng sự đã đề xuất một số tính cách của con người như khả năng chấp nhận rủi ro; niềm tin vào năng lực bản thân; sự đam mê, nỗ lực, có tầm nhìn... ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên (Shane et al., 2003); hay nghiên cứu của Sesen đã chỉ ra các yếu tố thuộc về tính cách như khả năng kiểm soát bản thân, niềm tin vào năng lực bản thân có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp (Sesen, 2013). Ở Việt Nam, nhiều nghiên cứu cũng chỉ ra đặc điểm tính cách có ảnh hưởng tích cực đến việc hình thành ý định khởi nghiệp. Nghiên cứu của Phan Anh Tú và Nguyễn Thanh Sơn đã chỉ ra các tính cách như nhiệt tình, tư duy cởi mở, trách nhiệm, chân thành là những tính cách mà các nhà khởi nghiệp trẻ phải có (Phan Anh Tú & Nguyễn Thanh Sơn, 2015). Từ kết quả của những nghiên cứu trước đó, tác giả cho rằng đặc điểm tính cách có tác động tích cực đến việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên, trong đó có sinh viên khối ngành kinh tế thuộc các trường đại học kỹ thuật.

Kiến thức và kinh nghiệm của một con người ảnh hưởng nhiều đến hành vi của người đó. Devonish và cộng sự cho rằng những sinh viên có kinh nghiệm về kinh doanh được tích lũy trong quá trình học tập sẽ có lợi thế cao hơn và ý định khởi nghiệp rõ ràng hơn những người chưa có kinh nghiệm (Devonish et al., 2010).

Sự đam mê là khởi nguồn cho sự hiểu biết và khả năng huy động nguồn lực giúp khởi nghiệp thành công. Kết quả nghiên cứu của Wenjun Wang đã chỉ ra sự đam mê kinh doanh có tác động đến ý định khởi nghiệp kinh doanh của sinh viên (Wenjun

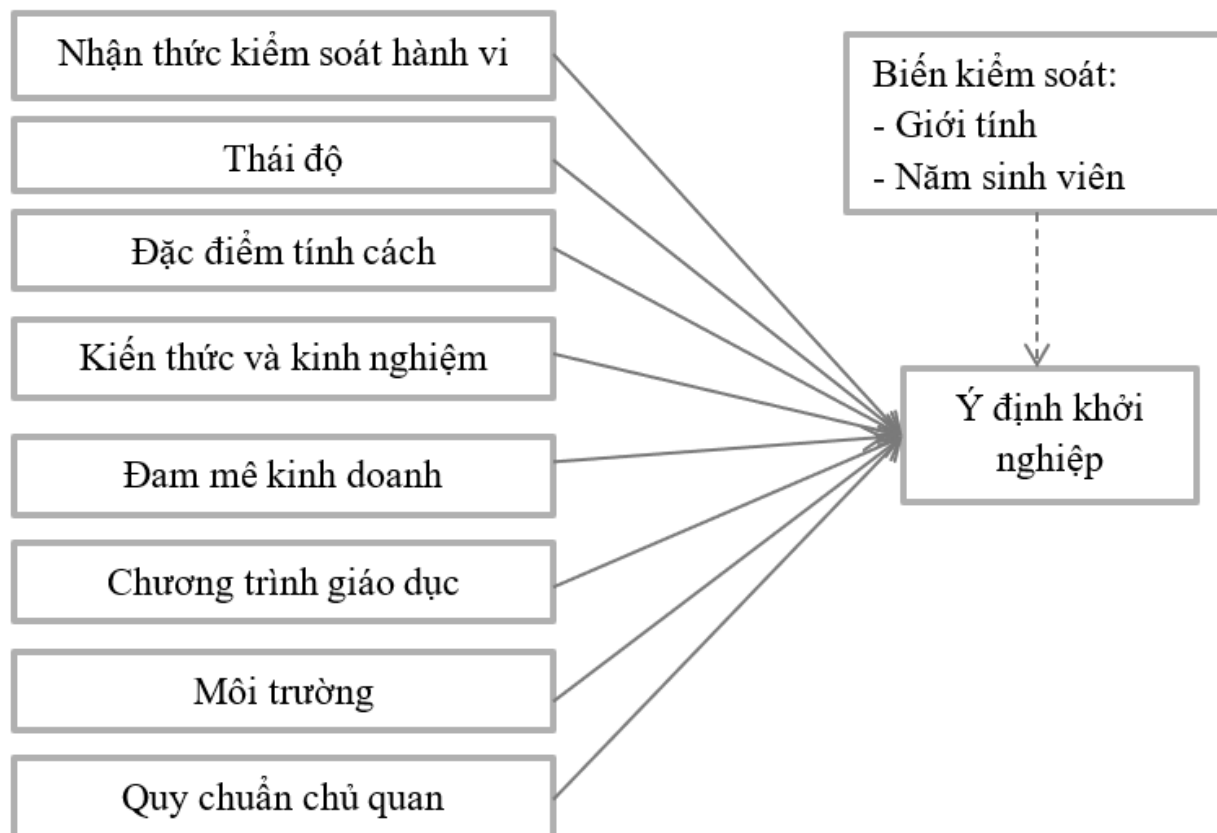
Wang et al., 2011).

Lý thuyết thể chế (Institutional theory) nhấn mạnh, dưới góc độ xã hội, thể chế bao gồm các ràng buộc và hành động thuộc nhận thức, chuẩn mực và luật lệ nhằm tạo ra sự ổn định và ý nghĩa của hành vi xã hội (Scott, 2014). Ngầm ý của lý thuyết thể chế là mỗi cá nhân hay doanh nghiệp, khi tuân thủ tốt các ràng buộc từ thể chế sẽ được xã hội chấp nhận (Nguyễn Văn Thắng và cộng sự, 2015). Hay nói cách khác, thể chế có thể tác động đến hành vi của con người. Trong môi trường của trường đại học, thể chế được thể hiện trực tiếp thông qua chương trình giáo dục và môi trường hoạt động của sinh viên (chương trình giáo dục và môi trường hoạt động của sinh viên trong trường đại học được tổ chức để đảm bảo các chuẩn đầu ra đáp ứng các yêu cầu của xã hội). Chương trình

giáo dục nói chung và chương trình giáo dục khởi nghiệp nói riêng có vai trò cung cấp kiến thức, kỹ năng về khởi nghiệp và quản trị doanh nghiệp khởi nghiệp cho sinh viên, từ đó định hướng việc hình thành ý định và hành vi khởi nghiệp của họ. Hong và cộng sự đã chỉ ra chất lượng khởi nghiệp của sinh viên có liên quan đến chương trình giáo dục khởi nghiệp, vì nó làm giàu kiến thức về khởi nghiệp và phát triển các kỹ năng khởi nghiệp cho sinh viên (Hong et al., 2012).

Nghiên cứu của Sesen đã phân tích và chỉ ra thông tin kinh doanh, môi trường xã hội, môi trường khởi nghiệp ở trường đại học có tác động tích cực đến ý định khởi nghiệp của sinh viên (Sesen, 2013). Bên cạnh đó, môi trường trong các trường đại học kỹ thuật ở Việt Nam cũng có một số đặc trưng nổi bật:

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



- Hoạt động khoa học công nghệ trong các trường đại học kỹ thuật rất sôi nổi, với các sản phẩm cụ thể, dễ dàng thương mại hóa. Do đó, sinh viên học tập trong môi trường này có điều kiện tiếp cận với các sản phẩm khoa học công nghệ, cũng như việc thương mại hóa các sản phẩm này, sẽ giúp thúc đẩy việc hình thành ý định khởi nghiệp của họ.

- Các trường đại học kỹ thuật ở Việt Nam nói chung và trên địa bàn thành phố Hà Nội nói riêng, xu hướng hiện nay đều hướng tới đào tạo đa ngành, gồm nhiều khối ngành nhưng phổ biến vẫn là hai khối kỹ thuật và kinh tế. Do đó, môi trường này thuận tiện cho việc liên kết đa ngành trong việc thực hiện các ý tưởng nghiên cứu, phát triển sản phẩm..., là những tiền đề quan trọng của việc hình thành ý định và hành vi khởi nghiệp.

Lý thuyết TPB cũng chỉ ra rằng nhân tố quy chuẩn chủ quan (subjective norm), hay nhận thức của một cá nhân với những người tham khảo quan trọng của cá nhân đó, cho rằng hành vi đó là nên hay không nên thực hiện có ảnh hưởng đến ý định hành vi (Ajzen, 1991). Đặc biệt với sinh viên, những

người chưa có nhiều kinh nghiệm sống, làm việc, định hướng từ gia đình, bạn bè, thầy cô và những người xung quanh có vai trò quan trọng trong việc hình thành ý định hành vi nói chung và thúc đẩy ý định khởi nghiệp của sinh viên nói riêng.

Từ những lập luận trên, tác giả xây dựng mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong trường đại học kỹ thuật (Hình 1).

3. Phương pháp nghiên cứu

Ở đây tác giả sử dụng nghiên cứu định lượng thông qua khảo sát bằng bảng hỏi. Đối tượng khảo sát là sinh viên khối các ngành kinh tế trong trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội; hình thức khảo sát online. Trong nghiên cứu định lượng, kích thước mẫu ít nhất phải bằng 5 lần số biến quan sát trong phân tích nhân tố (Hair, 1998). Nghiên cứu này sử dụng 48 biến quan sát để đo lường 9 biến độc lập và 1 biến phụ thuộc, do đó kích thước mẫu tối thiểu phải đạt 240 quan sát.

Với phương pháp chọn mẫu thuận tiện, nghiên

Bảng 1. Model Summary^b

Model	R	R Square	Adjusted R Square	Std. Error of the Estimate
1	.830a	.688	.682	.56394

a. Predictors: (Constant), Kinhnghiem, Nhanthuc, Quychuan, Khathi, Tinhcach, MoitruongGD
 b. Dependent Variable: YdinhKN

Bảng 2. ANOVA^a

Model		Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
1	Regression	230.131	6	38.355	120.601	.000b
	Residual	104.315	328	.318		
	Total	334.446	334			

a. Dependent Variable: YdinhKN
 b. Predictors: (Constant), Kinhnghiem, Nhanthuc, Quychuan, Khathi, Tinhcah, MoitruongGD

Bảng 3. Coefficients^a

Model		Unstandardized Coefficients		Standardized Coefficients	t	Sig.	Collinearity Statistics	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	-.174	.153		-1.134	.258		
	Tinhcach	.690	.058	.545	11.931	.000	.456	2.195
	MoitruongGD	-.131	.054	-.115	-2.422	.016	.418	2.391
	Quychuan	.376	.054	.337	6.913	.000	.401	2.497
	Nhanthuc	-.053	.041	-.050	-1.309	.191	.640	1.563
	Khathi	.086	.049	.079	1.771	.078	.478	2.090
	Kinhnghiem	.099	.045	.095	2.218	.027	.521	1.918

a. Dependent Variable: YdinhKN

cứu thu về 372 phiếu. Sau khi xử lý, làm sạch dữ liệu, thu được 335 phiếu đạt yêu cầu (lớn hơn kích thước mẫu tối thiểu là 240 quan sát).

4. Kết quả nghiên cứu và khuyến nghị

Trên cơ sở kiểm định chất lượng thang đo, phân tích các nhân tố khám phá hình thành 6 nhân tố mới, tác giả tiến hành phân tích tương quan và hồi quy, thu được kết quả như Bảng 1, 2, 3

Kết quả phân tích hồi quy cho thấy:

- Hệ số R² hiệu chỉnh (Adjusted R-Square) = 0,682 (Bảng 1) cho thấy 68,2% biến phụ thuộc được giải thích bởi các biến độc lập trong mô hình.

- Hệ số Sig. = 0,000 < 0,05 (Bảng 2), cho thấy mô hình hồi quy tuyến tính xây dựng phù hợp với tổng thể, có ít nhất một nhân tố giải thích được biến phụ thuộc trong mô hình.

- Biến “Nhanthuc” và biến “Khathi” có hệ số Sig. > 0,05 nên không có ý nghĩa thống kê, tức là với mức ý nghĩa 5% thì các biến này không có ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên.

- Các biến còn lại có hệ số Sig. < 0,05 nên có ý nghĩa thống kê. Từ hệ số Beta hiệu chỉnh, xây dựng được mô hình các nhân tố ảnh hưởng đến ý định

khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội như sau:

$$YdinhKN = 0,545 * Tinhcach - 0,115 * MoitruongGD + 0,337 * Quychuan + 0,095 * Kinhnghiem$$

Như vậy, theo kết quả nghiên cứu này, các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật được sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng giảm dần gồm: (1) Tính cách, thái độ và đam mê; (2) Quy chuẩn chủ quan; (3) Kinh nghiệm; (4) Môi trường giáo dục (tác động nghịch chiều). Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- Tính cách, thái độ và đam mê có ảnh hưởng lớn nhất đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật. Đây là những yếu tố thuộc vào bản thân sinh viên. Thực chất, ý định hành vi của một cá nhân phụ thuộc rất nhiều vào chính cá nhân đó. Do đó, tính cách, thái độ và hành vi ảnh hưởng lớn đến ý định khởi nghiệp của sinh viên nói chung và sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật nói riêng cũng là hợp lý.

- Quy chuẩn chủ quan, bao gồm sự hỗ trợ của những người xung quanh, cũng như khả năng dễ dàng tiếp cận với những thông tin kinh doanh có ảnh hưởng tích cực đối với ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội. Điều này cũng phù hợp, bởi hoạt động khởi nghiệp là một hoạt động chứa đựng rất nhiều khó khăn, thách thức và rủi ro, do đó cần phải có sự động viên, khích lệ của những người xung quanh, cũng như việc tiếp cận với các thông tin kinh doanh để hình thành nên ý định khởi nghiệp của sinh viên.

- Kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm về kinh doanh, khởi nghiệp kinh doanh mà sinh viên có điều kiện tiếp cận cũng ảnh hưởng tích cực đến việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên. Ở Hà Nội, sinh viên có nhiều cơ hội làm thêm, nhiều cơ hội tiếp cận với thực tế kinh doanh, từ đó sẽ thúc đẩy sinh viên trong việc hình thành ý định khởi nghiệp của mình.

Các nhân tố về tính cách, thái độ và đam mê; quy chuẩn chủ quan; kiến thức và kinh nghiệm ảnh hưởng tích cực tới ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật cũng phù hợp với hầu hết các nghiên cứu trước đó.

- Môi trường giáo dục, gồm chương trình đào tạo, chương trình giáo dục khởi nghiệp và môi trường khởi nghiệp tại trường đại học có tác động ngược chiều đối với việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật. Đây cũng là điều khá đặc biệt so với các nghiên cứu trước đó. Môi trường giáo dục không những không thúc đẩy việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên mà lại là yếu tố cản trở việc hình thành ý định khởi nghiệp của sinh viên. Sở dĩ có điều này, theo tác giả, có thể xuất phát từ một số nguyên nhân:

+ Mặc dù là khối ngành kinh tế, nhưng do trong trường đại học kỹ thuật nên chương trình đào tạo sẽ bị ảnh hưởng bởi các chương trình đào tạo kỹ

thuật khác trong trường đại học kỹ thuật, chẳng hạn như học nhiều môn khối ngành giáo dục đại cương; học thêm các môn kỹ thuật nên sẽ không còn nhiều thời lượng cho các môn học chuyên ngành về kinh tế. Trong chương trình đào tạo của các trường đại học kỹ thuật hiện nay, nhiều trường chưa coi trọng và đưa các môn học về giáo dục khởi nghiệp vào chương trình.

+ Hệ sinh thái, không gian khởi nghiệp, các chương trình khởi nghiệp ở trường đại học kỹ thuật còn hạn chế và chưa thực sự được quan tâm.

Từ kết quả nghiên cứu này, tác giả đề xuất một số khuyến nghị quản lý đối với các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội:

Thứ nhất, cần khơi dậy đam mê khởi nghiệp của sinh viên thông qua các hoạt động như:

- Tổ chức các hoạt động tham quan thực tế kinh doanh để sinh viên được tiếp cận với thực tế kinh doanh;

- Nêu gương các tấm gương khởi nghiệp thành công, đặc biệt là tấm gương các cựu sinh viên khởi nghiệp thành công;

- Mời các doanh nhân thành đạt, các nhà quản trị đến giảng dạy hoặc nói chuyện với sinh viên.

Thứ hai, nhà trường thúc đẩy, khuyến khích sinh viên hình thành ý định khởi nghiệp và thực hiện các hoạt động, dự án khởi nghiệp thông qua các hoạt động cụ thể:

- Đẩy mạnh thực hiện các cuộc thi tìm kiếm các ý định khởi nghiệp của sinh viên;

- Khen thưởng đối với những ý tưởng khởi nghiệp hay để khích lệ sinh viên;

- Có các biện pháp thiết thực để hỗ trợ, hiện thực hóa các ý định khởi nghiệp của sinh viên như tìm kiếm các nguồn tài trợ; định hướng, hỗ trợ sinh viên thực hiện các ý tưởng.

Thứ ba, về vấn đề kiến thức, kinh nghiệm và môi trường giáo dục, các trường đại học nên:

- Thiết kế chương trình đào tạo các ngành khối

kinh tế theo hướng tăng khối lượng kiến thức chuyên ngành và kiến thức về kinh doanh và khởi nghiệp kinh doanh;

- Tăng cường các chương trình giáo dục khởi nghiệp thông qua các khóa học bổ sung, các chương trình ngoại khóa;

- Xây dựng không gian, hệ sinh thái khởi nghiệp tạo môi trường thuận lợi để sinh viên tiếp cận thông tin, hình thành ý định khởi nghiệp và thúc đẩy việc triển khai thực hiện các ý định khởi nghiệp.

5. Kết luận

Thông qua nghiên cứu này, tác giả đã chỉ ra một

số nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi nghiệp của sinh viên khối ngành kinh tế trong các trường đại học kỹ thuật trên địa bàn thành phố Hà Nội. Các nhân tố này được sắp xếp theo mức độ ảnh hưởng giảm dần: (1) Tính cách, thái độ và đam mê; (2) Quy chuẩn chủ quan; (3) Kiến thức và kinh nghiệm; và (4) Môi trường giáo dục (tác động ngược chiều). Từ đây, tác giả cũng đề xuất một số khuyến nghị quản lý. Bài nghiên cứu của tác giả cũng còn một số hạn chế như số lượng quan sát trong nghiên cứu này chưa nhiều; còn nhiều nhân tố chưa được chỉ ra trong nghiên cứu này... tác giả sẽ tiếp tục thực hiện trong các nghiên cứu sau.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211. [https://doi.org/10.1016/0749-5978\(91\)90020-T](https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T)
2. Chính phủ. (2016). Quyết định số 844/2016/QĐ-TTg.
3. Devonish, D., Alleyne, P., Charles-Soverall, W., Young Marshall, A., & Pounder, P. (2010). Explaining entrepreneurial intentions in the Caribbean. *International Journal of Entrepreneurial Behavior & Research*, 16(2), 149–171. <https://doi.org/10.1108/13552551011027020>
4. Gupta, V. K., & Bhawe, N. M. (2007). The Influence of Proactive Personality and Stereotype Threat on Women's Entrepreneurial Intentions. *Journal of Leadership & Organizational Studies*, 13(4), 73-85. <https://doi.org/10.1177/10717919070130040901>
5. Hair, J. F. (Ed.). (1998). *Multivariate data analysis*. Prentice Hall.
6. Hong, Z., Hong, T., Cui, Z., & Luzhuang, W. (2012). Entrepreneurship Quality of College Students Related to Entrepreneurial Education. *Energy Procedia*, 17, 1907–1913. <https://doi.org/10.1016/j.egypro.2012.02.331>
7. Lee, S. M., Lim, S., Pathak, R. D., Chang, D., & Li, W. (2006). Influences on students attitudes toward entrepreneurship: A multi-country study. *The International Entrepreneurship and Management Journal*, 2(3), 351–366. <https://doi.org/10.1007/s11365-006-0003-2>
8. Nguyễn Văn Thắng và cộng sự. (2015). *Giáo trình Một số lý thuyết đương đại về quản trị kinh doanh: Ứng dụng trong nghiên cứu (Dành cho chương trình Tiên tiến sỹ)*. NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
9. Phan Anh Tú, & Nguyễn Thanh Sơn. (2015). Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định khởi sự doanh nghiệp của sinh viên kinh tế đã tốt nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ. 40, 39-49.
10. Schwarz, E. J., Wdowiak, M. A., Almer-Jarz, D. A., & Breitenecker, R. J. (2009). The effects of attitudes and perceived environment conditions on students' entrepreneurial intent: An Austrian perspective. *Education + Training*, 51(4), 272-291. <https://doi.org/10.1108/00400910910964566>
11. Scott, W. R. (2014). W. Richard SCOTT (1995), *Institutions and Organizations. Ideas, Interests and Identities.*: Paperback: 360 pages Publisher: Sage (1995) Language: English ISBN: 978-142242224. *Management*, 17(2), 136. <https://doi.org/10.3917/mana.172.0136>

12. Sesen, H. (2013). Personality or environment? A comprehensive study on the entrepreneurial intentions of university students. *Education + Training*, 55(7), 624–640. <https://doi.org/10.1108/ET-05-2012-0059>
13. Shane, S., Locke, E. A., & Collins, C. J. (2003). Entrepreneurial motivation. *Human Resource Management Review*, 13(2), 257-279. [https://doi.org/10.1016/S1053-4822\(03\)00017-2](https://doi.org/10.1016/S1053-4822(03)00017-2)
14. Sobel, R. S., & King, K. A. (2008). Does school choice increase the rate of youth entrepreneurship? *Economics of Education Review*, 27(4), 429–438. <https://doi.org/10.1016/j.econedurev.2007.01.005>
15. Souitaris, V., Zerbinati, S., & Al-Laham, A. (2007). Do entrepreneurship programmes raise entrepreneurial intention of science and engineering students? The effect of learning, inspiration and resources. *Journal of Business Venturing*, 22(4), 566–591. <https://doi.org/10.1016/j.jbusvent.2006.05.002>
16. Wenjun Wang, Wei Lu, John Kent Millington. (2011). Determinants of Entrepreneurial Intention among College Students in China and USA. *Winter & Spring*, 1(1), 35-44.

Ngày nhận bài: 17/4/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/5/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 19/5/2024

Thông tin tác giả:

TS. LÊ ĐÌNH CHIỀU

Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Mỏ - Địa chất

FACTORS AFFECTING ENTREPRENEURIAL INTENTIONS OF THE STUDENT STUDIES ECONOMICS MAJORS IN TECHNICAL UNIVERSITIES IN HANOI

● **PhD. LE DINH CHIEU**

Faculty of Economics and Business Administration,
University of Mining and Geology

ABSTRACT

The research examines the factors affecting entrepreneurial intentions of the student studies economics majors in technical universities in Hanoi. Based on an overview of researches; analyzing some theories such as the theory of planned behavior (TPB), institutional theory; and also analysing the characteristics of the student to establish the research model; Surveying of the student studies economics majors in technical universities in Hanoi to determine the factors influencing and their level of influence on the entrepreneurial intentions of the student studies economics majors in technical universities in Hanoi and making some management recommendations

Keywords: Entrepreneur, students, economics majors, technical universities, Hanoi